

Điểm đọc: Điểm viết: Điểm TB:	Giáo viên chấm	Nhận xét của giáo viên
-------------------------------------	----------------	------------------------

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 ĐIỂM):

- 1. Đọc thành tiếng(4 điểm):** Đạt điểm

Học sinh bốc thăm, đọc một đoạn và TLCH một trong các bài tập đọc từ tuần 25 đến tuần 33.
- 2. Đọc hiểu (6 điểm)** Đạt điểm

Đọc thầm bài “ *Món quà hạnh phúc*” và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu dưới đây

Món quà hạnh phúc

Trong khu rừng kia có những chú thỏ con với cặp mắt hồng long lánh như hai viên ngọc, đôi tai dài và cái đuôi cộc quây quần bên Thỏ Mẹ. Thỏ Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để nuôi đàn con. Thấy mẹ vất vả, chúng rất yêu thương và vâng lời mẹ.

Những chú thỏ con bàn nhau làm một món quà tặng mẹ. Chúng sẽ cùng làm một chiếc khăn trải bàn trắng tinh, được tô điểm bằng những bông hoa đủ màu sắc. Góc khăn là dòng chữ “*Kính chúc mẹ vui, khỏe*” được thêu nắn nót bằng sợi chỉ vàng.

Tết đến, những chú thỏ con đem tặng mẹ món quà. Thỏ Mẹ rất bất ngờ và cảm động khi nhận được món quà do chính tay các con bé bỏng làm tặng. Nó cảm thấy mình thật hạnh phúc, Thỏ Mẹ thấy những mệt nhọc, vất vả như bay biến mất.



Theo *Chuyện của mùa hạ*

Bài 1. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1 (MĐ1): Từ ngữ diễn tả sự vất vả của Thỏ Mẹ: (0,5 điểm)

- A. yêu thương và vâng lời
- B. quây quần bên Thỏ Mẹ
- C. làm việc quần quật suốt ngày.

Câu 2 (MĐ1): Để tỏ lòng biết ơn và thương yêu mẹ, bày tỏ con đã: (0,5 điểm)

- A. Hái tặng mẹ những bông hoa đẹp
- B. Tự tay làm khăn trải bàn tặng mẹ
- C. Đan tặng mẹ một chiếc khăn quàng.

Câu 3 (MĐ2): Thỏ mẹ cảm thấy hạnh phúc vì: (0,5 điểm)

- A. Các con chăm ngoan, hiếu thảo
- B. Được tặng món quà mà mình thích
- C. Được nghỉ ngơi nhân dịp Tết đến.

Câu 4: (MĐ3) Nếu em là Thỏ mẹ, em sẽ nói gì với những chú thỏ con của mình sau khi nhận được món quà? **(1 điểm)**

~~~~~

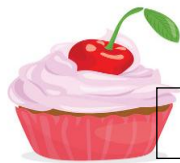
**Câu 5: (MĐ3).** Đặt câu nêu đặc điểm nói về các chú thỏ trong bài đọc: **(1 điểm)**

~~~~~

Bài 2 (MĐ1). Hãy tô màu vào các hình chứa từ ngữ chỉ hoạt động? **(0,5 điểm)**



Bài 3. (MĐ1) Xếp các chiếc bánh vào đĩa thích hợp: **(1.5 điểm)**



nắn nót



món quà



trắng tinh



lóng lánh



chú thỏ



bông hoa

Bài 4 (MĐ2). Điền dấu chấm, dấu phẩy hoặc dấu chấm hỏi thích hợp vào ô trống trong những câu sau: **(1 điểm)**

Ngày xưa Kiến Vàng và Kiến Đen là đôi bạn thân. Chúng thường cùng nhau kiếm mồi cùng ăn và cùng nhau vui chơi Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng. Một hôm Kiến Vàng hỏi Kiến Đen:

- Kiến Đen này bạn có muốn cùng đi ngao du thiên hạ không

Bài 5. (MĐ1). Tìm từ có âm đầu s hoặc x theo gợi ý sau: **(0.5 điểm)**

a. Con vật rất nhanh , sống trong rừng là

b. Loài vật sống ở biển , thân rất mềm là

B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 ĐIỂM):

1. Viết: Nghe – viết (4 điểm)

Cây gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng.

(Theo Vũ Tú Nam)

2. Luyện tập: (6 điểm) Học sinh lựa chọn 1 trong 2 đề sau:

Đề 1: Viết một đoạn văn kể về một chuyến đi chơi

Đề 2: Viết một đoạn văn tả một con vật mà em yêu thích

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI

Phần A: Kiểm tra đọc:

1. Đọc thành tiếng(4 điểm):

Yêu cầu cần đạt: Đọc đúng, rõ ràng, rành mạch, ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, tốc độ đạt yêu cầu. (khoảng 60-70 tiếng/1 phút).

Trong đó:

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 2 điểm

(Đọc sai dưới 3 tiếng: 2 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 1.5 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 11 đến 20 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 20 tiếng: 0 điểm)

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 0,5 điểm

(Ngắt nghỉ hơi không đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng ở 5 dấu câu trở lên: 0 điểm)

- Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 0,5 điểm

(Đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,25 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhẩm: 0 điểm)

- Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu: 1 điểm

(Trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

2. Đọc hiểu (6 điểm)

Bài 1:

- Câu 1. (0,5đ). Đáp án C

- Câu 2. (0,5đ). Đáp án B

- Câu 3. (0,5đ) Đáp án A

- Câu 4. (1đ) và Câu 5. (1đ) *Giáo viên linh hoạt, tùy mức độ trả lời, cách diễn đạt của học sinh để cho mức điểm phù hợp: đầu câu viết hoa (0,25đ), cuối câu có dấu chấm (0,25đ), diễn đạt ý trọn vẹn, đúng chủ đề yêu cầu (0,5đ).*

Bài 2: . (0.5đ, mỗi từ được 0.25đ) Đáp án: thêu, tặng

Bài 3: (1.5 điểm, mỗi từ đúng được 0.25đ).

+ Từ chỉ đặc điểm: nắn nót, trắng tinh, lóng lánh

+ Từ chỉ sự vật: chú thỏ, bông hoa, món quà

Bài 4: (1 đ, mỗi dấu điền đúng được 0.2đ)

Ngày xưa Kiến Vàng và Kiến Đen là đôi bạn thân. Chúng thường cùng nhau kiếm mồi , cùng ăn và cùng nhau vui chơi . Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng. Một hôm , Kiến Vàng hỏi Kiến Đen:

- Kiến Đen này , bạn có muốn cùng đi ngao du thiên hạ không ?

Bài 5. (0.5 điểm, mỗi từ điền đúng được 0.25đ)

- a. Con vật rất nhanh , sống trong rừng là **con sóc**
- b. Loài vật sống ở biển , thân rất mềm là **con sứa**

. Phần B: Kiểm tra viết:

1. Viết: Nghe – viết : (4 điểm)

- Bài viết không mắc quá 5 lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, đúng độ cao, đúng khoảng cách, trình bày đúng quy định bài CT (tốc độ viết khoảng 50 chữ - 55 chữ / 15 phút)
- Sai 1 lỗi chính tả trong bài viết về âm, vần, thanh, không viết hoa đúng quy định trừ 0,2 điểm. (Nếu lỗi giống nhau chỉ trừ một lần)
- Nếu bài viết chưa sạch đẹp, sai về khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản, chưa đúng đoạn văn trừ 0,5 điểm toàn bài

2. Luyện tập: (6 điểm)

*** Yêu cầu cần đạt :**

1. Nội dung viết đúng trọng tâm của đề bài, đủ ý, đúng cấu trúc đoạn văn.
2. Sử dụng từ ngữ chính xác, đúng ngữ pháp, câu văn rõ ràng, mạch lạc có sáng tạo
3. Trình bày rõ ràng, sạch đẹp, chữ viết dễ đọc.
4. Không mắc lỗi chính tả hoặc ít lỗi chính tả. (1, 2 lỗi)

*** Thang điểm:**

- Điểm 6: Bài làm đạt trọn vẹn cả 4 yêu cầu trên.
- Điểm 5: Đạt 4 yêu cầu trên nhưng lời văn còn vài chỗ chưa tự nhiên hoặc còn hạn chế về chữ viết, mắc 3 đến 4 lỗi chính tả, ngữ pháp.
- Điểm 4: Đạt 4 yêu cầu trên nhưng nội dung chưa đầy đủ, mắc 6 đến 7 lỗi về chính tả, ngữ pháp.
- Điểm 3: Lời văn còn rời rạc, mắc nhiều lỗi chính tả.
- Điểm 2: Bài văn bỏ dở hoặc viết không đúng yêu cầu của đề.
- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt, chữ viết, trình bày bài có thể cho các mức điểm cho phù hợp
- Nếu viết lạc đề cho 1.5 điểm